

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Đăng ký lần đầu số 3603000168 ngày 3 tháng 5 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 15 tháng 8 năm 2012.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các lần sửa đổi sau đó do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Tấn Nam	Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Hoành	Thành viên
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên
Ông Choo Yan Ho	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Tấn Nam	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Hoành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Niên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mỹ Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc
Ông Wolfram Heinisch	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Huỳnh Tấn Nam	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Trụ sở chính

166-170 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc

Tỉnh Phú Yên, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 8 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Pymepharco (“Công ty”) được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 8 tháng 3 năm 2013. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Richard Peters
Số chứng chỉ KTV: N.0561/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3404
Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Đặng Quốc Tuấn
Số chứng chỉ KTV: 0620/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		752.730.495.991	610.954.451.564
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.561.114.404	7.033.880.977
111	Tiền		8.561.114.404	7.033.880.977
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		387.573.039.770	340.270.109.090
131	Phải thu khách hàng	4	370.141.420.316	315.420.045.025
132	Trả trước cho người bán		22.763.513.950	13.639.621.806
135	Các khoản phải thu khác	5	1.962.021.045	13.436.055.977
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4	(7.293.915.541)	(2.225.613.718)
140	Hàng tồn kho	6	337.029.686.140	245.035.133.831
141	Hàng tồn kho		338.036.983.162	246.464.514.150
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.007.297.022)	(1.429.380.319)
150	Tài sản ngắn hạn khác		19.566.655.677	18.615.327.666
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	7	3.213.049.319	3.128.061.101
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.854.349.334	2.409.632.469
158	Tài sản ngắn hạn khác	8	14.499.257.024	13.077.634.096
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		237.037.643.289	238.873.314.292
220	Tài sản cố định		217.245.774.295	230.544.848.072
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	181.875.417.220	191.738.304.999
222	Nguyên giá		313.919.320.073	295.814.189.822
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(132.043.902.853)	(104.075.884.823)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	29.732.125.133	29.747.555.885
228	Nguyên giá		31.472.723.990	31.472.723.990
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.740.598.857)	(1.725.168.105)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(c)	5.638.231.942	9.058.987.188
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		6.891.400.000	6.891.400.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	10	5.472.000.000	5.472.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác	11	1.419.400.000	1.419.400.000
260	Tài sản dài hạn khác		12.900.468.994	1.437.066.220
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	10.264.426.418	962.258.016
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13	2.094.677.576	213.443.204
268	Tài sản dài hạn khác		541.365.000	261.365.000
270	TỔNG TÀI SẢN		989.768.139.280	849.827.765.856

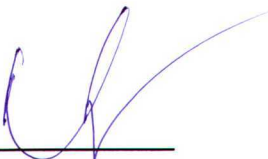
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

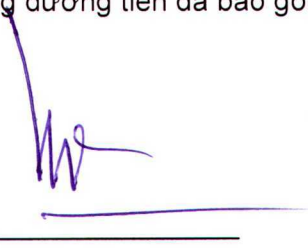
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		511.102.701.876	482.428.575.975
310	Nợ ngắn hạn		505.341.970.862	454.496.943.728
311	Vay và nợ ngắn hạn	14(a)	324.410.517.226	287.897.064.109
312	Phải trả người bán	15	83.192.810.188	71.536.944.197
313	Người mua trả tiền trước		381.566.731	8.899.815.871
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	15.687.075.816	18.116.457.502
315	Phải trả nhân viên		16.253.606	28.231.801
316	Chi phí phải trả	17	28.611.040.787	10.406.381.555
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	19.778.288.080	39.864.978.377
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	33.264.418.428	17.747.070.316
330	Nợ dài hạn		5.760.731.014	27.931.632.247
333	Phải trả dài hạn khác		332.400.000	-
334	Vay và nợ dài hạn	14(b)	2.032.506.582	24.472.249.190
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		3.395.824.432	3.459.383.057
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		478.665.437.404	367.399.189.881
410	Vốn chủ sở hữu		478.665.437.404	367.399.189.881
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	89.200.000.000	85.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	152.189.184.816	150.089.184.816
417	Quỹ đầu tư phát triển	21	108.246.842.614	57.712.777.500
418	Quỹ dự phòng tài chính	21	6.352.128.849	3.400.289.915
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	122.677.281.125	71.196.937.650
440	TỔNG NGUỒN VỐN		989.768.139.280	849.827.765.856

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 2.076 đô la Mỹ (2011: 1.436 đô la Mỹ).



Đặng Văn Nhàn
Người lập biểu



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 3 năm 2013


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	1.024.001.149.566	868.061.769.552
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(13.307.605.234)	(16.827.714.415)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	22(a) 1.010.693.544.332	851.234.055.137
11	Giá vốn hàng bán	23 (486.159.567.797)	(407.262.447.052)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	524.533.976.535	443.971.608.085
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22(b) 622.592.481	2.118.687.423
22	Chi phí tài chính	24 (44.142.541.838)	(49.843.118.503)
23	Trong đó: lãi vay	42.053.632.256	42.318.051.090
24	Chi phí bán hàng	25 (297.045.573.472)	(226.238.389.635)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 (48.253.324.733)	(34.411.910.765)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	135.715.128.973	135.596.876.605
31	Thu nhập khác	27 7.817.748.679	30.526.240.064
32	Chi phí khác	27 (9.494.017.576)	(56.879.167.307)
40	Chi phí khác - Số thuần	(1.676.268.897)	(26.352.927.243)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	134.038.860.076	109.243.949.362
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28 (13.242.813.323)	(12.547.011.712)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	13, 28 1.881.234.372	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	122.677.281.125	96.696.937.650
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29 14.140	11.376




 Đặng Văn Nhàn
 Người lập biểu



 Phạm Văn Tân
 Kế toán trưởng





 Huỳnh Tấn Nam
 Tổng Giám đốc
 Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	134.038.860.076	109.243.949.362
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	28.814.931.111	27.082.858.859
03	Các khoản dự phòng	4.646.218.526	1.520.561.990
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24 165.177.700	2.190.681.326
05	Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	87.565.911	(180.000.000)
06	Chi phí lãi vay	24 42.053.632.256	41.267.208.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	209.806.385.580	181.125.259.537
09	Tăng các khoản phải thu	(54.050.302.408)	(76.416.887.144)
10	Tăng hàng tồn kho	(91.572.469.012)	(15.286.402.869)
11	Tăng các khoản phải trả	20.904.139.098	23.300.843.457
12	Tăng các chi phí trả trước	(2.987.342.898)	(256.715.211)
13	Lãi vay đã trả	(41.336.080.264)	(40.574.724.116)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	(14.460.881.664)	(9.902.809.467)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	26.303.448.432	61.988.564.187
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	(22.064.122.264)	(27.874.811.590)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	45.454.545	-
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	480.000.000
27	Cổ tức và lãi tiền gửi nhận được	622.592.481	1.887.646.047
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(21.396.075.238)	(25.507.165.543)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	6.300.000.000	-
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	768.875.554.468	631.093.938.100
34	Chi trả nợ gốc vay	(754.572.139.335)	(642.221.228.873)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	(23.988.395.904)	(20.371.466.500)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(3.384.980.771)	(31.498.757.273)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.522.392.423	4.982.641.371
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 7.033.880.977	2.127.349.975
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	4.841.004	(76.110.369)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 8.561.114.404	7.033.880.977

Đặng Văn Nhàn
Người lập biểu

Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.